

**CÔNG TY CỔ PHẦN
PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2020

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2020	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2020	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2020	8 – 9
Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc	10 – 31

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, Xã Tân Kiên, Huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính riêng đính kèm đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Ông Bùi Thế Chuyên	Chủ tịch	24/06/2020	-
Ông Đỗ Quang Huy	Thành viên	-	-
Ông Ngô Văn Đông	Thành viên	-	-
Ông Lê Quốc Phong	Thành viên	-	-
Ông Mai Thành Phụng	Thành viên	24/06/2020	-
Ông Nguyễn Văn Thiệu	Chủ tịch	-	24/06/2020
Ông Phan Văn Tâm	Thành viên	-	24/06/2020

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trương Minh Phú	Trưởng ban
Ông Nguyễn Huy Hiếu	Thành viên
Ông Quãn Đình Gang	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Ngô Văn Đông	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Minh Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Võ Văn Phú	Phó Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên của RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng hằng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, Xã Tân Kiên, Huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính riêng được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính riêng.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc, 



Ngô Văn Đông
Tổng giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 08 năm 2020

Số: 21.142-R/BCSX-RSMHCM

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kính gửi: Các cổ đông
Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền được lập ngày 20 tháng 08 năm 2020 từ trang 05 đến trang 31 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



TUQ. TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thụy Nhã Vy

Giám đốc kiểm toán

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
1875-2018-026-1

(Theo Giấy ủy quyền số 08/2019-20/UQ-RSM
ngày 01 tháng 10 năm 2019)

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 08 năm 2020

Như đã trình bày tại mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc, báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, Xã Tân Kiên, Huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 01a - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30/06/2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2020	Tại ngày 01/01/2020
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.507.954.939.711	1.297.908.678.704
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	222.321.660.625	288.157.870.865
1. Tiền	111		177.321.660.625	220.157.870.865
2. Các khoản tương đương tiền	112		45.000.000.000	68.000.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		553.514.712.167	430.761.135.785
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	456.106.313.470	345.210.214.886
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	10.393.159.520	5.497.950.796
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	87.765.231.662	80.802.962.588
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.6	(749.992.485)	(749.992.485)
III. Hàng tồn kho	140	4.7	714.285.611.164	564.080.222.456
1. Hàng tồn kho	141		714.285.611.164	564.080.222.456
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		17.832.955.755	14.909.449.598
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		11.769.411.292	11.075.357.394
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.12	6.063.544.463	3.834.092.204
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		491.423.963.037	502.584.642.883
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3.737.502.545	3.737.502.545
1. Phải thu dài hạn khác	216	4.5	3.737.502.545	3.737.502.545
II. Tài sản cố định	220		349.636.838.762	353.288.163.631
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.9	148.396.996.375	152.018.518.178
Nguyên giá	222		355.326.352.816	348.214.702.516
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(206.929.356.441)	(196.196.184.338)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.10	201.239.842.387	201.269.645.453
Nguyên giá	228		202.024.934.308	202.024.934.308
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(785.091.921)	(755.288.855)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		14.244.445.076	16.337.710.625
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.8	14.244.445.076	16.337.710.625
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	4.2	123.805.176.654	124.114.689.352
1. Đầu tư vào công ty con	251		115.937.211.500	115.937.211.500
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		11.661.918.871	11.661.918.871
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(3.793.953.717)	(3.484.441.019)
V. Tài sản dài hạn khác	260		-	5.106.576.730
1. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	5.106.576.730
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.999.378.902.748	1.800.493.321.587

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, Xã Tân Kiên, Huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 01a - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 30/06/2020

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2020	Tại ngày 01/01/2020
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.190.947.021.526	1.007.727.331.895
I. Nợ ngắn hạn	310		1.190.947.021.526	1.007.727.331.895
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.11	100.138.631.141	111.344.414.015
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.963.283.209	177.969.451
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.12	130.924.027.843	115.086.868.415
4. Phải trả người lao động	314		15.583.346.665	16.256.856.160
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.13	49.466.333.233	69.447.749.412
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.14	47.055.591.121	11.886.984.880
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.15	840.301.912.422	683.209.088.792
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.513.895.892	317.400.770
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		808.431.881.222	792.765.989.692
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.16	808.431.881.222	792.765.989.692
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		571.679.930.000	571.679.930.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		571.679.930.000	571.679.930.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		149.568.442.914	140.672.991.714
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		10.145.220.457	10.145.220.457
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		77.038.287.851	70.267.847.521
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		15.666.313.141	12.397.332.019
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		61.371.974.710	57.870.515.502
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.999.378.902.748	1.800.493.321.587



Ngô Văn Đông
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 08 năm 2020

Trần Tấn Sơn
Kế toán trưởng

Trần Ngọc Hùng
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, Xã Tân Kiên, Huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 02a - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	4.18	1.287.807.171.961	1.468.817.779.228
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	4.19	16.534.941.000	10.212.000.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.271.272.230.961	1.458.605.779.228
4. Giá vốn hàng bán	11	4.20	1.072.223.509.136	1.294.324.397.382
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		199.048.721.825	164.281.381.846
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	4.21	25.216.503.143	41.981.323.697
7. Chi phí tài chính	22	4.22	21.427.227.446	28.567.066.710
Trong đó, chi phí lãi vay	23		19.956.979.808	27.437.548.834
8. Chi phí bán hàng	25	4.23	85.606.534.547	103.854.801.330
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	4.24	47.402.123.351	32.383.112.978
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		69.829.339.624	41.457.724.525
11. Thu nhập khác	31	4.25	2.170.719.364	483.085.245
12. Chi phí khác	32		727.481.601	3.001
13. Lợi nhuận khác	40		1.443.237.763	483.082.244
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		71.272.577.387	41.940.806.769
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	4.27	4.794.025.947	183.445.298
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		5.106.576.730	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		61.371.974.710	41.757.361.471

**Ngô Văn Đông**
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 08 năm 2020

Trần Tấn Sơn
Kế toán trưởng**Trần Ngọc Hùng**
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, Xã Tân Kiên, Huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 03a - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		71.272.577.387	41.940.806.769
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	4.26	11.187.975.169	13.509.364.103
Các khoản dự phòng	03	4.22	309.512.698	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(22.621.474.015)	(41.023.580.280)
Chi phí lãi vay	06	4.22	19.956.979.808	27.437.548.834
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		80.105.571.047	41.864.139.426
Tăng các khoản phải thu	09		(110.838.399.668)	(249.675.712.693)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(150.205.388.708)	362.371.611.459
Giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(10.001.875.785)	(33.034.074.332)
Tiền lãi vay đã trả	14		(25.078.244.928)	(27.437.548.834)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.12	(6.900.000.000)	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	20.000.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.501.992.958)	(14.468.039.223)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(224.420.331.000)	79.640.375.803
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(8.397.468.067)	(11.544.996.781)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		75.000.000	-
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	12.625.906.849
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		9.813.765.197	41.023.580.280
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		1.491.297.130	42.104.490.348

(Xem trang tiếp theo)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	4.28	912.850.587.772	932.430.550.610
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	4.29	(755.757.764.142)	(1.031.673.272.453)
3. Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	(1.173.385.490)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(39.264.743.900)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		157.092.823.630	(139.680.851.233)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50		(65.836.210.240)	(17.935.985.082)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		288.157.870.865	156.423.340.068
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70	4.1	222.321.660.625	138.487.354.986



Ngô Văn Đông
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 08 năm 2020

Trần Tấn Sơn
Kế toán trưởng

Trần Ngọc Hùng
Người lập biểu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là Xí nghiệp phân bón Bình Điền II, trực thuộc Công ty Phân bón Miền Nam. Công ty được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền theo Quyết định số 356/QĐ-HCVN ngày 6 tháng 6 năm 2008 của Tổng Công ty Hóa chất Việt Nam (nay là Tập đoàn Hóa chất Việt Nam) về việc cổ phần hóa Công ty Phân bón Bình Điền; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302975517 ngày 25 tháng 11 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 28 tháng 12 năm 2017.

Ngày 27 tháng 08 năm 2015, Công ty chính thức được cấp giấy phép giao dịch chứng khoán tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 384/QĐ-SGDHCM của Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 07 tháng 10 năm 2015, Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là BFC.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 571.679.930.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2020 là 437 (31 tháng 12 năm 2019 là 450)

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại.

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất, kinh doanh các loại phân bón vô cơ, hữu cơ, vi sinh, vi lượng, các chất điều hòa tăng trưởng cho cây trồng, vật nuôi;
- Nghiên cứu sản xuất các loại phân bón (không sản xuất tại trụ sở doanh nghiệp);
- Kinh doanh xuất nhập khẩu các sản phẩm phân bón, công cụ, máy nông nghiệp, giống cây trồng và các loại nông sản;
- Kinh doanh bất động sản, địa ốc.

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**1.4. Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, Công ty có các công ty con và đơn vị trực thuộc như sau:

Công ty con trực tiếp

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Công ty TNHH MTV Thể thao Bình Điền Long An	Khu công nghiệp Long Định-Long Cang, xã Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, Việt Nam.	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Bình Điền – Lâm Đồng	Quốc lộ 20, xã Hiệp Thạnh, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng.	51%	51%	51%
Công ty Cổ phần Bình Điền – Mekong	Lô A10.1, đường D3, KCN Thành Thành Công, xã An Hòa, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.	51%	51%	51%
Công ty Cổ phần Bình Điền – Quảng Trị	Lô 22 Khu công nghiệp Quán Ngang, xã Gio Châu, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị	51%	51%	51%
Công ty Cổ phần Bình Điền – Ninh Bình	Khu công nghiệp Khánh Phú, xã Khánh Phú, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình	51%	51%	51%

Đơn vị trực thuộc tính đến 30 tháng 06 năm 2020 là: Nhà máy phân bón Bình Điền Long An, địa chỉ: Khu Công nghiệp Long Định, xã Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An.

1.5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính (riêng)

Tỷ lệ lãi gộp trong 6 tháng đầu năm 2020 tăng 38,2% so với cùng kỳ năm 2019, nguyên nhân chủ yếu do chi phí đầu vào giảm so với cùng kỳ đồng thời giá bán bình quân ổn định từ năm trước. Bên cạnh đó trong 6 tháng đầu năm 2020 do tình hình thị trường tiếp tục khó khăn, cũng như dịch bệnh kéo dài nên Công ty chủ động cắt giảm các chi phí chưa cần thiết. Vì vậy mặc dù doanh thu thuần của Công ty trong 6 tháng đầu năm 2020 giảm 12,3% so với cùng kỳ nhưng lợi nhuận sau thuế của Công ty tăng 47% so với cùng kỳ.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký Chung.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**2.3. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

Các chính sách kế toán áp dụng để lập báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2020 thống nhất với các chính sách kế toán đã áp dụng để lập báo cáo tài chính riêng năm 2019.

4. CÁC SỰ KIỆN HOẶC GIAO DỊCH TRỌNG YẾU TRONG KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 30/06/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Tiền mặt	1.509.057.500	736.973.007
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	175.812.603.125	219.420.897.858
Các khoản tương đương tiền	45.000.000.000	68.000.000.000
Cộng	222.321.660.625	288.157.870.865

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng với lãi suất từ 4% đến 4,25%/năm.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, Xã Tân Kiên, Huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.2. Các khoản đầu tư tài chính**

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2020			Tại ngày 01/01/2020		
	VND			VND		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty con:						
Công ty TNHH MTV Thể thao Bình Điền Long An	5.000.000.000	-	-	5.000.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Bình Điền – Lâm Đồng	27.138.986.173	-	-	27.138.986.173	-	-
Công ty Cổ phần Bình Điền – Mekong	16.147.753.280	-	-	16.147.753.280	-	-
Công ty Cổ phần Bình Điền – Quảng Trị	16.650.472.047	-	-	16.650.472.047	-	-
Công ty Cổ phần Bình Điền – Ninh Bình	51.000.000.000	-	-	51.000.000.000	-	-
Cộng	115.937.211.500	-	-	115.937.211.500	-	-

Đầu tư vào đơn vị khác:

Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn – Đông Hà	11.661.918.871	(3.793.953.717)	-	11.661.918.871	(3.484.441.019)	-
---	----------------	-----------------	---	----------------	-----------------	---

Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào Công ty TNHH MTV Thể thao Bình Điền Long An, Công ty Cổ phần Bình Điền – Lâm Đồng, Công ty Cổ phần Bình Điền – Mekong, Công ty Cổ phần Bình Điền – Quảng Trị, Công ty Cổ phần Bình Điền – Ninh Bình và Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn – Đông Hà để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 30/06/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Phải thu khách hàng là các bên liên quan - Xem thêm mục 4.31	12.558.174.124	20.173.976.841
Phải thu từ khách hàng:		
Công ty TNHH Yetak – Cambodia	174.303.286.571	97.800.812.187
Công ty TNHH TM DV Phân bón Tuấn Vũ	43.888.218.267	27.403.779.117
Phải thu các khách hàng khác	225.356.634.508	199.831.646.741
Cộng	456.106.313.470	345.210.214.886

4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Công ty TNHH TM DV SX Cơ Khí Tấn Kìa	3.041.434.000	732.743.000
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư và XD Việt Thành	1.760.068.200	-
Các nhà cung cấp khác	5.591.657.320	4.765.207.796
Cộng	10.393.159.520	5.497.950.796

4.5. Phải thu khác

	Tại ngày 30/06/2020 VND		Tại ngày 01/01/2020 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn:				
Phải thu ngắn hạn là các bên liên quan – Xem thêm mục 4.31	77.705.255.864	-	72.563.726.119	-
Tạm ứng cho nhân viên	3.556.755.576	-	2.674.790.548	-
Phải thu khác	6.503.220.222	-	5.564.445.921	-
Cộng	87.765.231.662	-	80.802.962.588	-

Dài hạn:

Phải thu dài hạn là các bên liên quan thêm – Xem thêm mục 4.31	3.737.502.545	-	3.737.502.545	-
--	---------------	---	---------------	---

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.6. Nợ xấu**

	Tại ngày 30/06/2020 VND		Tại ngày 01/01/2020 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	749.992.485	-	749.992.485	-

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2020 VND			Tại ngày 01/01/2020 VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Ban tự quản Buôn Eana (phải thu thương mại)	438.623.835	-	>3 năm	438.623.835	-	>3 năm
Các đối tượng khác	311.368.650	-	>3 năm	311.368.650	-	>3 năm
Cộng	749.992.485	-		749.992.485	-	

4.7. Hàng tồn kho

	Tại ngày 30/06/2020 VND		Tại ngày 01/01/2020 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	576.799.145.770	-	433.203.656.947	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	31.555.632.088	-	38.369.682.746	-
Thành phẩm	96.803.388.946	-	85.305.860.394	-
Hàng hóa	9.127.444.360	-	7.201.022.369	-
Cộng	714.285.611.164	-	564.080.222.456	-

4.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 30/06/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Xây dựng cơ bản dở dang	14.232.445.076	16.337.710.625
Sửa chữa tài sản cố định	12.000.000	-
Cộng	14.244.445.076	16.337.710.625

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, Xã Tân Kiên, Huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2020	192.031.941.779	135.427.128.290	14.906.174.903	5.849.457.544	384.214.702.516
Mua trong kỳ	-	689.620.000	927.646.300	32.000.000	1.649.266.300
Đầu tư XD CB hoàn thành	5.887.384.000	-	-	-	5.887.384.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(425.000.000)	-	(425.000.000)
Phân loại lại	3.360.560.000	(3.100.378.182)	-	(260.181.818)	-
Tại ngày 30/06/2020	201.279.885.779	133.016.370.108	15.408.821.203	5.621.275.726	355.326.352.816
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2020	91.076.161.784	89.156.433.644	12.698.722.302	3.264.866.608	196.196.184.338
Khấu hao trong kỳ	5.472.475.170	4.858.588.608	510.887.442	316.220.883	11.158.172.103
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(425.000.000)	-	(425.000.000)
Tại ngày 30/06/2020	96.548.636.954	94.015.022.252	12.784.609.744	3.581.087.491	206.929.356.441
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2020	100.955.779.995	46.270.694.646	2.207.452.601	2.584.590.936	152.018.518.178
Tại ngày 30/06/2020	104.731.428.825	39.001.347.856	2.624.211.459	2.040.188.235	148.396.996.375

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 57.820.851.836 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm kế toán VND	Cộng VND
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2020	201.311.157.308	713.777.000	202.024.934.308
Tại ngày 30/06/2020	201.311.157.308	713.777.000	202.024.934.308
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2020	222.000.000	533.288.855	755.288.855
Khấu hao trong kỳ	-	29.803.066	29.803.066
Tại ngày 30/06/2020	222.000.000	563.091.921	785.091.921
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2020	201.089.157.308	180.488.145	201.269.645.453
Tại ngày 30/06/2020	201.089.157.308	150.685.079	201.239.842.387
Quyền sử dụng đất bao gồm:			
- Khu đất tọa lạc tại C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, Công ty chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Giá trị đất được ghi nhận theo Quyết định số 32/QĐ-BTC ngày 03/01/2007 của Bộ Tài chính và Văn bản số 9402/BTC-QLCS ngày 12/8/2008 của Bộ Tài chính về việc phê duyệt phương án xử lý tổng thể các cơ sở nhà đất của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam (Tổng công ty Hóa chất Việt Nam trước đây) tại TP. Hồ Chí Minh. Hiện nay, Nhà nước đang làm thủ tục thu hồi lại khu đất này, trong năm 2019, Công ty đã di dời, không hoạt động trên khu đất này. - Quyền sử dụng đất số T00080/QSDĐ/0401-LA tọa lạc tại xã Long Định, huyện Cần Đước, Long An.			

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, Xã Tân Kiên, Huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.11. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2020 VND		Tại ngày 01/01/2020 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho các bên liên quan - Xem thêm mục 4.31	990.000.000	990.000.000	35.149.681.100	35.149.681.100
Phải trả cho người bán:				
Công ty TNHH Phân bón Hưng Phú	20.281.755.200	20.281.755.200	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư & Xuất nhập khẩu Long Hưng - Hà Nội	13.505.114.700	13.505.114.700	12.134.156.500	12.134.156.500
Công ty TNHH Nguyễn Phan	34.667.520.000	34.667.520.000	17.956.952.000	17.956.952.000
Các nhà cung cấp khác	30.694.241.241	30.694.241.241	46.103.624.415	46.103.624.415
Cộng	100.138.631.141	100.138.631.141	111.344.414.015	111.344.414.015

4.12. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 30/06/2020 VND		Trong kỳ VND		Tại ngày 01/01/2020 VND	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	23.941.975	-	77.523.962	77.523.962	23.941.975	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.853.074.422	-	4.794.025.947	6.900.000.000	3.747.100.369	-
Thuế thu nhập cá nhân	186.528.066	45.089.245	1.383.484.334	1.861.121.055	63.049.860	399.247.760
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	16.191.317.943	16.207.279.605	15.961.662	-	-
Các loại thuế khác	-	114.687.620.655	4.000.000	4.000.000	-	114.687.620.655
Cộng	6.063.544.463	130.924.027.843	22.466.313.848	8.858.606.679	3.834.092.204	115.086.868.415

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.13. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Chi phí chiết khấu, khuyến mãi, hỗ trợ bán hàng cho đại lý	43.266.333.233	68.091.800.412
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	6.200.000.000	1.355.949.000
Cộng	49.466.333.233	69.447.749.412

4.14. Phải trả ngắn hạn khác

	Tại ngày 30/06/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Phải trả ngắn hạn khác là các bên liên quan – Xem thêm mục 4.31	26.311.440.000	-
Phải trả khác:		
Cổ tức phải trả	14.006.155.100	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.173.789.335	4.353.149.208
BHXH, BHYT, BHTN	1.609.203.045	1.609.851.370
Kinh phí công đoàn	955.003.641	802.719.182
Lãi vay phải trả	-	5.121.265.120
Cộng	47.055.591.121	11.886.984.880

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, Xã Tân Kiên, Huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.15. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2020 VND		Trong kỳ VND		Tại ngày 01/01/2020 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN – CN Bến Nghé	78.613.836.900	78.613.836.900	112.997.576.250	91.832.353.350	57.448.614.000	57.448.614.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN – CN Hàm Nghi	-	-	-	39.090.132.000	39.090.132.000	39.090.132.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – CN TP.HCM	332.547.373.737	332.547.373.737	353.712.309.737	284.629.477.700	263.464.541.700	263.464.541.700
Ngân hàng TMCP Phát triển TP.HCM	48.853.100.000	48.853.100.000	48.853.100.000	29.856.480.000	29.856.480.000	29.856.480.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN TP.HCM	326.496.921.565	326.496.921.565	343.496.921.565	222.284.321.092	205.284.321.092	205.284.321.092
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	53.790.680.220	53.790.680.220	53.790.680.220	88.065.000.000	88.065.000.000	88.065.000.000
Cộng	840.301.912.422	840.301.912.422	912.850.587.772	755.757.764.142	683.209.088.792	683.209.088.792

Thông tin chi tiết các khoản vay như sau:

- Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bến Nghé theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 35/2019/5762220/HĐTD ngày 22 tháng 10 năm 2019 với hạn mức tín dụng tối đa là 200.000.000.000 VND, nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Thời hạn duy trì hạn mức kể từ ngày ký hợp đồng đến ngày 22 tháng 10 năm 2020, với lãi suất cho vay theo từng kế ước nhận nợ, dao động trong khoảng 6%/năm – 6,5%/năm và là khoản vay tín chấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, Xã Tân Kiên, Huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

- Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 19.1020075/2019-HĐCVHM/NHCT900-BFC ngày 24 tháng 10 năm 2019 với tổng mức dư nợ vay và số dư L/C đã phát hành có cam kết thanh toán bằng vốn vay theo Hợp đồng này tại mọi thời điểm không vượt quá 1.000.000.000.000 VND, nhằm để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh phân bón. Thời hạn duy trì hạn mức kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 30 tháng 09 năm 2020, với lãi suất cho vay theo từng khế ước nhận nợ, dao động trong khoảng 5,5%/năm - 6%/năm và là khoản vay tín chấp.
- Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng số 10154/20MN/HĐTD ngày 17 tháng 04 năm 2020 với hạn mức tín dụng tối đa là 100.000.000.000 VND, nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động, mở và thanh toán L/C phục vụ sản xuất kinh doanh phân bón. Thời hạn duy trì hạn mức trong vòng 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, với lãi suất cho vay theo từng khế ước nhận nợ, dao động trong khoảng 6%/năm – 6,5%/năm và là khoản vay tín chấp.
- Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng số 0082/1938N-CTD ngày 03 tháng 09 năm 2019 với hạn mức cấp tín dụng tối đa là 700.000.000.000 VND, nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Thời hạn duy trì hạn mức kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến ngày 25 tháng 08 năm 2020, với lãi suất cho vay theo từng khế ước nhận nợ, dao động trong khoảng 5,8%/năm – 6,2%/năm đối với đồng tiền Việt Nam và từ 2,8%/năm – 3,2%/năm đối với ngoại tệ USD và là khoản vay tín chấp.
- Vay ngắn hạn Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng số BC_HDTD/BFC/201904 ngày 09 tháng 04 năm 2019 và các phụ lục của Hợp đồng này với hạn mức tín dụng là 6.400.000 USD tương đương 148.608.000.000 VND, nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động, mở và thanh toán thư tín dụng trả ngay, trả chậm, phát hành thư tín dụng dự phòng. Thời hạn hiệu lực của hạn mức kể từ ngày 23 tháng 01 năm 2020 đến ngày 22 tháng 01 năm 2021, với lãi suất cho vay được ghi cụ thể trên từng giấy nhận nợ, dao động khoảng 5%/năm đối với đồng tiền Việt Nam và 3,2%/năm đối với ngoại tệ USD và là khoản vay tín chấp.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, Xã Tân Kiên, Huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.16. Vốn chủ sở hữu****4.16.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				Cộng
	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và các quỹ	
	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2019	571.679.930.000	122.991.093.998	10.145.220.457	72.033.744.408	776.849.988.863
Tăng từ phân phối lợi nhuận trong 6 tháng đầu năm 2019	-	17.681.897.716	-	(17.681.897.716)	-
Lãi trong 6 tháng đầu năm trước	-	-	-	41.757.361.471	41.757.361.471
Chia cổ tức 2018 và các năm trước	-	-	-	(28.583.996.500)	(28.583.996.500)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(13.370.518.173)	(13.370.518.173)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm trước	-	-	-	(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
Tại ngày 30/06/2019	571.679.930.000	140.672.991.714	10.145.220.457	53.154.693.490	775.652.835.661
Lãi trong 6 tháng cuối năm trước	-	-	-	47.197.150.531	47.197.150.531
Chia cổ tức trong 6 tháng cuối năm trước	-	-	-	(28.583.996.500)	(28.583.996.500)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi trong 6 tháng cuối năm trước	-	-	-	(1.500.000.000)	(1.500.000.000)
Tại ngày 01/01/2020	571.679.930.000	140.672.991.714	10.145.220.457	70.267.847.521	792.765.989.692
Tăng vốn từ phân phối lợi nhuận trong 6 tháng đầu năm nay	-	8.895.451.200	-	(8.895.451.200)	-
Lãi trong 6 tháng đầu năm nay	-	-	-	61.371.974.710	61.371.974.710
Chia cổ tức trong 6 tháng đầu năm nay	-	-	-	(40.017.595.100)	(40.017.595.100)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi 6 tháng đầu năm nay	-	-	-	(5.688.488.080)	(5.688.488.080)
Tại ngày 30/06/2020	571.679.930.000	149.568.442.914	10.145.220.457	77.038.287.851	808.431.881.222

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.16.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 30/06/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	371.592.000.000	371.592.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	200.087.930.000	200.087.930.000
Cộng	571.679.930.000	571.679.930.000

4.16.3. Cổ phiếu

	Tại ngày 30/06/2020	Tại ngày 01/01/2020
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	57.167.993	57.167.993
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	57.167.993	57.167.993
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	57.167.993	57.167.993
Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần		

4.16.4. Các quỹ của doanh nghiệp

	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND
Tại ngày 01/01/2020	140.672.991.714	10.145.220.457
Trích trong kỳ	8.895.451.200	-
Tại ngày 30/06/2020	149.568.442.914	10.145.220.457

4.17. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Tại ngày 30/06/2020	Tại ngày 01/01/2020
Ngoại tệ các loại:		
USD	1.766.243,75	2.338.996,79
EUR	32,82	38,69

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.18. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu bán hàng	1.266.472.517.688	1.444.706.001.298
Doanh thu bao bì và vật tư	2.012.000.000	245.000.000
Doanh thu gia công	5.335.202.875	3.499.888.198
Phí thương hiệu – Xem thêm mục 4.31	11.017.034.813	17.220.189.080
Doanh thu khác	2.970.416.585	3.146.700.652
Cộng	1.287.807.171.961	1.468.817.779.228
Trong đó, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan – Xem thêm mục 4.31	18.364.237.688	20.965.077.278

4.19. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chiết khấu thương mại	13.876.576.000	10.212.000.000
Giảm giá hàng bán	2.658.365.000	-
Cộng	16.534.941.000	10.212.000.000

4.20. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	1.071.671.899.136	1.294.085.987.382
Giá vốn khác	551.610.000	238.410.000
Cộng	1.072.223.509.136	1.294.324.397.382

4.21. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Cổ tức được chia – Xem thêm mục 4.31	21.769.564.000	41.023.580.280
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.659.154.946	804.767.475
Lãi bán hàng trả chậm – Xem thêm mục 4.31	810.462.000	36.798.904
Lãi bán hàng trả chậm khác	-	39.252.259
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	783.728.197	76.924.779
Chiết khấu thanh toán	193.594.000	-
Cộng	25.216.503.143	41.981.323.697

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.22. Chi phí tài chính**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí lãi vay	19.956.979.808	27.437.548.834
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.160.734.940	1.129.517.876
Dự phòng đầu tư tài chính	309.512.698	-
Cộng	21.427.227.446	28.567.066.710

4.23. Chi phí bán hàng

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên	4.525.762.473	4.665.707.743
Chi phí quảng bá thương hiệu, tiếp thị, hỗ trợ bán hàng	52.128.512.200	63.250.032.098
Chi phí hàng quà tặng	10.227.942.258	10.080.621.631
Chi phí vận chuyển	7.614.367.000	14.154.670.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.479.322.686	4.085.157.755
Các chi phí khác	6.630.627.930	7.618.612.103
Cộng	85.606.534.547	103.854.801.330

4.24. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên	11.942.988.236	10.624.907.161
Chi phí khấu hao tài sản cố định	771.552.372	835.236.733
Thuế, phí và lệ phí	16.194.317.943	211.596.903
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.164.571.631	20.484.562.580
Các chi phí khác	328.693.169	226.809.601
Cộng	47.402.123.351	32.383.112.978

4.25. Thu nhập khác

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Thu nhập từ bán phế liệu	345.171.818	379.500.909
Thu nhập khác	1.825.547.546	103.584.336
Cộng	2.170.719.364	483.085.245

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.26. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân công	34.699.948.685	49.270.867.050
Chi phí nguyên vật liệu	1.157.929.175.353	1.171.858.975.925
Chi phí khấu hao	11.187.975.169	13.509.364.103
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác	152.639.703.344	156.554.060.071
Cộng	1.356.456.802.551	1.391.193.267.149

4.27. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành được xác định như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ	71.272.577.387	41.940.806.769
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(47.302.447.650)	(41.023.580.280)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	23.970.129.737	917.226.489
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ	4.794.025.947	183.445.298

4.28. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	912.850.587.772	932.430.550.610

4.29. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(755.757.764.142)	(1.031.673.272.453)

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, Xã Tân Kiên, Huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.30. Báo cáo bộ phận**

Báo cáo bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- Kinh doanh phân bón
- Hoạt động khác

Doanh thu của Công ty phát sinh trong kỳ chủ yếu từ hoạt động kinh doanh phân bón; theo đó, Công ty chỉ có một bộ phận kinh doanh là kinh doanh phân bón. Do vậy, Công ty không có báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

	<u>Nội địa</u>		<u>Xuất khẩu</u>		<u>Tổng cộng</u>	
	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	957.677.543.661	1.192.645.312.078	313.594.687.300	265.960.467.150	1.271.272.230.961	1.458.605.779.228
Giá vốn hàng bán	807.729.730.483	1.058.318.804.731	264.493.778.653	236.005.592.651	1.072.223.509.136	1.294.324.397.382
Lợi nhuận gộp	149.947.813.178	134.326.507.347	49.100.908.647	29.954.874.499	199.048.721.825	164.281.381.846
Tài sản của bộ phận tại ngày 30/06	1.999.378.902.748	1.800.493.321.587	-	-	1.999.378.902.748	1.800.493.321.587
Chi phí mua sắm tài sản trong kỳ	8.397.468.067	11.544.996.781	-	-	8.397.468.067	11.544.996.781

Doanh thu bộ phận được dựa trên cơ sở vị trí địa lý của khách hàng. Tài sản và chi phí mua sắm tài sản cố định bộ phận được trình bày theo vị trí địa lý của tài sản.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.31. Thông tin về các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan

Mối quan hệ

1. Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	Công ty mẹ
2. Công ty TNHH MTV Thể thao Bình Điền Long An	Công ty con
3. Công ty Cổ phần Bình Điền – MeKong	Công ty con
4. Công ty Cổ phần Bình Điền – Lâm Đồng	Công ty con
5. Công ty Cổ phần Bình Điền – Quảng Trị	Công ty con
6. Công ty Cổ phần Bình Điền – Ninh Bình	Công ty con
7. Công ty Cổ phần DAP – VINACHEM	Công ty cùng tập toàn
8. Công ty Cổ phần SX TM DV Mai Xá	Có liên quan đến nhân sự quản lý chủ chốt
9. HĐQT và Ban Tổng Giám đốc	Nhân sự quản lý chủ chốt

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 30/06/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng:		
Công ty Cổ phần Bình Điền – MeKong	12.558.174.124	19.393.405.841
Công ty Cổ phần Bình Điền – Ninh Bình	-	780.571.000
Cộng – Xem thêm mục 4.3	12.558.174.124	20.173.976.841

	Tại ngày 30/06/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Phải thu ngắn hạn khác:		
Công ty Cổ phần Bình Điền – MeKong	34.347.541.384	31.558.912.192
Công ty Cổ phần Bình Điền – Lâm Đồng	21.656.767.439	19.124.000.297
Công ty Cổ phần Bình Điền – Quảng Trị	16.426.671.777	7.168.596.455
Công ty Cổ phần Bình Điền – Ninh Bình	4.157.276.914	13.595.218.825
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	1.116.998.350	1.116.998.350
Cộng – Xem thêm mục 4.5	77.705.255.864	72.563.726.119

	Tại ngày 30/06/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Phải thu dài hạn khác – Xem thêm mục 4.5:		
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	3.737.502.545	3.737.502.545

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

	Tại ngày 30/06/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Phải trả người bán ngắn hạn:		
Công ty TNHH MTV Thể thao Bình Điền Long An	(990.000.000)	(1.540.000.000)
Công ty Cổ phần DAP – VINACHEM	-	(736.762.500)
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Dịch vụ Mai Xá	-	(32.872.918.600)
Cộng – Xem thêm mục 4.11	(990.000.000)	(35.149.681.100)
	Tại ngày 30/06/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Phải trả ngắn hạn khác là Tập đoàn Hóa chất Việt Nam:		
Phải trả cổ tức	(26.011.440.000)	-
Phải trả ngắn hạn khác	(300.000.000)	-
Cộng – Xem thêm mục 4.14	(26.311.440.000)	-
Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:		
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Thu phí thương hiệu:		
Công ty Cổ phần Bình Điền – Lâm Đồng	2.447.472.097	4.446.267.911
Công ty Cổ phần Bình Điền – Mekong	1.798.333.811	2.669.210.830
Công ty Cổ phần Bình Điền – Quảng Trị	2.991.886.656	4.130.672.927
Công ty Cổ phần Bình Điền – Ninh Bình	3.779.342.249	5.974.037.412
Cộng – Xem thêm mục 4.18	11.017.034.813	17.220.189.080
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Bán hàng, cung cấp dịch vụ gia công – Xem thêm mục 4.18:		
Công ty Cổ phần Bình Điền – MeKong	7.347.202.875	3.744.888.198

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Cổ tức được chia:		
Công ty Cổ phần Bình Điền – Lâm Đồng	15.802.564.000	20.317.580.280
Công ty Cổ phần Bình Điền – Quảng Trị	5.967.000.000	12.750.000.000
Công ty Cổ phần Bình Điền – MeKong	-	7.956.000.000
Cộng – Xem thêm mục 4.21	21.769.564.000	41.023.580.280
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Thu lãi trả chậm:		
Công ty Cổ phần Bình Điền – Mekong	810.462.000	-
Công ty Cổ phần Bình Điền – Ninh Bình	-	36.798.904
Cộng – Xem thêm mục 4.21	810.462.000	36.798.904
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Mua dịch vụ quảng cáo và quảng bá thương hiệu:		
Công ty TNHH MTV Thể thao Bình Điền Long An	5.800.000.000	12.600.000.000
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Nhận cung cấp dịch vụ:		
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	300.000.000	-
Công ty Cổ phần sản xuất thương mại dịch vụ Mai Xá	512.551.380	408.027.730
Cộng	812.551.380	408.027.730
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Mua hàng:		
Công ty Cổ phần sản xuất thương mại dịch vụ Mai Xá	63.543.407.900	-
Công ty Cổ phần DAP – VINACHEM	60.827.045.875	59.059.165.829
Công ty Cổ phần Bình Điền – Mekong	33.747.622.560	-
Cộng	158.118.076.335	59.059.165.829

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Chia cổ tức:		
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	26.011.440.000	18.579.600.000
Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong kỳ như sau:		

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Tiền lương, thù lao và thưởng	1.401.068.995	1.625.794.000
Chia cổ tức	-	91.584.000
Cộng	<u>1.401.068.995</u>	<u>1.717.378.000</u>

4.32. Thu nhập Ban kiểm soát

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Tiền lương và các chi phí hoạt động	228.000.000	228.000.000

4.33. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Vào tháng 07 năm 2020, Covid-19 bùng phát trở lại tại Việt Nam nên ảnh hưởng đầy đủ của dịch bệnh vẫn chưa xác định được. Tuy nhiên, khả năng xảy ra mức độ ảnh hưởng tiêu cực của Covid-19 đến doanh thu và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong kỳ kế toán tới là tùy thuộc vào thời gian diễn biến của dịch bệnh.



Ngô Văn Đông
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 08 năm 2020

Trần Tấn Sơn
Kế toán trưởng

Trần Ngọc Hùng
Người lập biểu